

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/KDTM-ST

Ngày: 25-9-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tâm

2. Ông Lê Quang Xệt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:***
Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Vào ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 61/2020/TLST-KDTM ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2023/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH U; địa chỉ: đường Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Công ty TNHH K; địa chỉ: Tổ A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn D, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: Tổ A, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương – chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt không lý do.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Võ Thị Bích C, sinh năm 1989; nơi cư trú: khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; tạm trú: khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 7 năm 2020, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Thái Thanh H trình bày:

Công ty TNHH U có chức năng sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, mực in và ma tít. Công ty TNHH K (sau đây gọi tắt là bị đơn) có chức năng chính là sản xuất giường, tủ, bàn ghế bằng gỗ nên họ là một trong những khách hàng của Công ty TNHH U. Hai công ty đã nhiều lần thực hiện việc mua bán hàng hoá với nhau.

Vào ngày 15/07/2019, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa là sơn các loại và phụ kiện ngành sơn (trước đó vào tháng 6/2019 đã nhiều lần mua bán với nhau). Căn cứ vào hợp đồng này, nguyên đơn đã xuất bán và giao hàng cho bị đơn từ tháng 07 đến tháng 09 năm 2019. Tổng cộng số lượng hàng hóa mà nguyên đơn giao cho bị đơn là 42.272kg sơn các loại tương đương với số tiền mua hàng mà bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.677.128.200 đồng. Việc giao hàng, nguyên đơn có lập phiếu giao hàng đầy đủ nhưng khi nguyên đơn yêu cầu bị đơn ký chốt nợ để nguyên đơn xuất hóa đơn theo quy định của pháp luật thì bị đơn không ký xác nhận nợ, không có ý kiến gì, cũng không chịu thanh toán cho nguyên đơn.

Nhận thấy, việc bị đơn không thanh toán số tiền hàng mà nguyên đơn đã giao cho bị đơn vào các tháng 07, 08, 09 năm 2019 là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số WZ/HĐMB-201907005 do hai bên Công ty ký kết ngày 15/07/2019, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng chưa thanh toán là 1.677.128.200 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán là 230.605.127 đồng.

Nguyên đơn thống nhất với lời trình bày của bị đơn về việc nguyên đơn và bị đơn đã tiến hành đối chiếu công nợ đối với một số phiếu giao hàng, cụ thể nguyên đơn đã xuất 03 hoá đơn cho bị đơn là hoá đơn số 0000010 ngày 15/7/2019; số 0000026 ngày 30/7/2019; số 0000027 ngày 26/8/2019, với số tiền phải thanh toán là 659.099.100 đồng, bị đơn đã thanh toán đối với số tiền trên.

Đối với số tiền mà bị đơn yêu cầu thanh toán là 1.677.128.200 đồng là giá trị của các đơn hàng còn lại. Bị đơn không đồng ý thanh toán chỉ thừa nhận đã nhận được hàng theo những đơn hàng đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng, còn những đơn hàng không xuất hóa đơn giá trị gia tăng thì bị đơn không nhận vì cho rằng những người ký tên nhận hàng không phải là nhân viên của bị đơn, khi nguyên đơn gửi bảng đối chiếu công nợ thì bị đơn không đồng ý kí do đó nguyên đơn không tiến hành xuất hoá đơn cho số hàng hoá đã giao đối với bị đơn theo nội dung của hợp đồng. Do đó, nguyên đơn đã yêu cầu Toà án ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của những người tại mục nhận hàng trên các phiếu giao hàng chưa thanh toán và chữ ký,

chữ viết của những người tại mục nhận hàng trên các phiếu giao hàng đã được đối chiếu công nợ và xuất hoá đơn, bị đơn đã thanh toán tiền.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH K trình bày:

Ngày 22/6/2019, bị đơn có mua hàng hóa của nguyên đơn và có lập Bảng đối chiếu công nợ ngày 10/7/2019 với số tiền hàng là 45.240.000 đồng + thuế giá trị gia tăng nên tổng tiền hàng là 49.764.000 đồng. Bà M là nhân viên kế toán bị đơn ký xác nhận tại mục khách hàng xác nhận vào ngày 22/7/2019. Sau khi chốt công nợ thì nguyên đơn mới xuất hóa đơn giá trị gia tăng ngày 15/7/2019. Không biết lý do vì sao nguyên đơn xuất hóa đơn trước ngày đối chiếu công nợ, khi nhận hóa đơn bị đơn chỉ quan tâm đến số tiền hàng phải thanh toán không để ý ngày xuất hóa đơn. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì sau khi xuất hóa đơn giá trị gia tăng thì trong vòng 75 ngày bị đơn phải thanh toán tiền hàng (Trường hợp chưa thanh toán được trong thời hạn này thì có thể thỏa thuận gia hạn thời gian trả nợ). Trong quá trình mua bán hàng thì nguyên đơn và bị đơn chỉ đối chiếu công nợ ba lần và xuất hóa đơn giá trị gia tăng ba lần, cụ thể:

- Lần 1: Đối chiếu Công nợ ngày 22/7/2019 tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 10/7/2019 với tổng số tiền hàng phải trả là 49.764.000 đồng. Ngày 15/7/2019 nguyên đơn xuất Hóa đơn giá trị gia tăng với tổng tiền bán hàng là 49.764.000 đồng. Khi nguyên đơn giao hàng cho bị đơn thì có mang theo Phiếu giao hàng và khi nhận đủ hàng thì bà M là người ký xác nhận đã nhận hàng.

- Lần 2 và Lần 3: Nguyên đơn và bị đơn không có đối chiếu công nợ mà xuất Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 30/7/2019 và ngày 26/8/2019 kèm theo bảng kê chi tiết hàng hóa của từng đợt.

Tổng ba lần xuất hóa đơn hàng hóa mà bị đơn đã mua hàng của nguyên đơn với tổng số tiền là 659.099.100 đồng và bị đơn đã thanh toán đủ tiền cho nguyên đơn thể hiện Sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 12/8/2019 đến ngày 14/5/2020 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với tổng số tiền đã chuyển khoản cho nguyên đơn là 659.099.100 đồng.

Bị đơn chỉ mua số tiền hàng như trên và đã thanh toán hết cho nguyên đơn và hiện không có nợ tiền hàng của nguyên đơn. Đối với các phiếu giao hàng do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu thanh toán thì bị đơn xác định các phiếu giao hàng đó không hợp lệ, bị đơn không đặt hàng và mua hàng theo các phiếu giao hàng đó. Do đó, bị đơn không đồng ý thanh toán tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bích C trình bày:

Bà Châu làm kế toán tại Công ty U từ đầu năm 2019 đến cuối tháng 9 năm 2019 thì nghỉ việc. Thời điểm đó, Công ty U chỉ có một mình bà C làm kế toán. Tổng tiền hàng từ ngày 26/6/2019 đến ngày 24/7/2019 là 728.275.000 đồng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng). Công ty K gửi danh sách những mặt hàng được xuất hóa đơn và những mặt hàng sẽ thanh toán tiền mặt qua địa chỉ email của cá nhân bà C, trong đó

300.000.000 đồng tiền hàng xuất hóa đơn giá trị gia tăng thì tổng tiền hàng sau thuế là 330.000.000 đồng. Sở dĩ hóa đơn bán hàng số 0000026 ngày 30/7/2019 số tiền hàng sau thuế là 328.915.400 đồng là do bà C tính trên danh sách hàng hóa mà bà M gửi qua email. Còn Biên bản đối chiếu công nợ tháng 7 lập ngày 24/7/2019 sau khi bà C lập xong thì gửi qua email của Công ty K, trong Biên bản đối chiếu công nợ tháng 7 lập ngày 24/7/2019 bà C chỉ ghi đến mục khách hàng xác nhận và người lập biểu, còn đoạn tổng tiền công nợ tháng 7/2019 là 728.275.000 đồng trở xuống đến hết trang là do bên Công ty K làm thêm và sau đó bà M ký xác nhận. Biên bản đối chiếu công nợ tháng 7 lập ngày 24/7/2019 là do bà M chụp ảnh rồi gửi qua email cá nhân của bà C, chứ không có gửi bản gốc. Tất cả thư điện tử bà C đã xóa hết nên không còn chứng cứ để nộp cho Tòa án.

Tiền hàng tháng 8/2019 (từ ngày 26/7/2019 đến ngày 25/8/2019) bà C đã gửi bản đối chiếu công nợ qua email của Công ty K, bà M đã xác nhận. Do đó, một phần đã xuất hoá đơn và bị đơn đã thanh toán đối với phần này, phần còn lại sẽ thanh toán tiền mặt theo thoả thuận giữa hai công ty.

Tại phiên tòa:

1. **Nguyên đơn** thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Về tiền hàng còn nợ, yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ từ 1.677.128.200 đồng xuống còn 1.389.106.800 đồng, với lý do theo kết quả giám định một số phiếu giao hàng không thực hiện giám định được. Nguyên đơn chỉ yêu cầu đối với số tiền theo kết quả giám định.

Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán như yêu cầu tại đơn khởi kiện là 230.605.127 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là: 1.619.711.927 đồng.

Đồng thời xác định bị đơn là Công ty TNHH K, do trong quá trình tố tụng một số văn bản bị sai sót, nhầm lẫn ghi là Công ty TNHH MTV K.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền hàng chưa thanh toán là 1.389.106.800 đồng, lãi là số tiền 230.605.127 đồng.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng kinh tế, đây là tranh chấp giữa hai chủ thể kinh doanh là thương nhân và đều nhằm mục đích lợi nhuận nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền: Theo hợp đồng hai bên giao kết, các bên có thoả thuận nếu phát sinh tranh chấp thì đưa lên Tòa án tỉnh Bình Dương giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên nơi có trụ sở bị đơn giải quyết. Bị đơn có trụ sở tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

[1.3] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có yêu cầu xét xử vắng mặt theo đúng quy định. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của bà Đinh Thị Tuyết M: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu đưa bà Đinh Thị Tuyết M – kế toán của Công ty TNHH K vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, bà M chỉ là kế toán của Công ty K, mọi hành vi của bà M trong quá trình mua bán hàng hóa với Công ty U đều được thực hiện trong phạm vi công việc được giao trong việc kinh doanh của Công ty K, bà M không có quyền lợi, nghĩa vụ đối với việc tranh chấp giữa hai công ty. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[1.5] Xét thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ buộc bị đơn phải thanh toán, cụ thể số tiền hàng còn nợ 1.677.128.200 đồng xuống còn 1.389.106.800 đồng. Việc thay đổi

một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số WZ/HĐMB-201907005 ngày 15/7/2019 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn với nội dung là nguyên đơn cung cấp cho bị đơn hàng hoá là sơn các loại phụ kiện ngành sơn, số lượng và quy cách hàng hoá sẽ được thể hiện cụ thể trên từng đơn đặt hàng của bị đơn, về hình thức thanh toán, chốt sổ vào ngày 24 hàng tháng và thanh toán trong vòng 75 ngày tính từ ngày giao hàng, nguyên đơn xuất hoá đơn VAT cho bị đơn khi chốt xong công nợ, khi nhận được hoá đơn bị đơn thanh toán cho nguyên đơn từ thời gian chậm nhất là 45 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn. Bị đơn thống nhất về quá trình ký kết và nội dung hợp đồng. Do đó, Hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện.

[2.2] Về nghĩa vụ thanh toán:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng là 1.677.128.200 đồng.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng đã thanh toán hết tiền mua hàng theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000010 ngày 15/7/2019; số 0000026 ngày 30/7/2019; số 0000027 ngày 26/8/2019 tổng số tiền là 659.099.100 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Đối với các phiếu giao hàng do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu thanh toán thì bị đơn xác định các phiếu giao hàng đó không hợp lệ, bị đơn không đặt hàng và mua hàng theo các phiếu giao hàng đó.

Do bị đơn không thừa nhận đã nhận hàng tại các phiếu giao hàng mà nguyên đơn cung cấp làm căn cứ cho yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn nộp đơn yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký, chữ viết tại mục người nhận hàng trên các phiếu giao hàng (chưa thanh toán, chưa được xuất hóa đơn giá trị gia tăng) so với mẫu chữ ký, chữ viết của những người đã nhận hàng của bị đơn tại mục người nhận hàng trên các phiếu giao hàng (đã thanh toán tiền hàng, đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng) có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Tại Kết luận giám định số 171/KL-KTHS(TL) ngày 05/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương có nội dung:

“1. Chữ ký, chữ viết mang tên Thuỳ L dưới mục “Người nhận hàng” trên sáu “Phiếu giao hàng” đề các ngày 08/7, 15/7, 16/7, 27/7 và 08/7 năm 2019 (ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ ký, chữ viết mang tên Thuỳ L dưới mục “Người nhận hàng” trên hai Phiếu giao hàng đề các ngày 22/6, 24/6, 26/6, 02/7 và 03/7 năm 2019 (ký hiệu từ M1 đến M5) do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký dưới mục “Người nhận hàng” trên ba Phiếu giao hàng đề các ngày 04/7 và 24/7 năm 2019 (ký hiệu A7, A10, A11) so với chữ ký dưới mục “Người nhận hàng” trên hai phiếu giao hàng đề các ngày 29/6, 03/7 năm 2019 (ký hiệu M6 và M7) do cùng một người ký ra.

3. Chữ ký, chữ viết tên M dưới mục “Người nhận hàng” trên một Phiếu giao hàng đề ngày 02/8/2019 (được ký hiệu A12) so với chữ ký, chữ viết họ tên Đinh Thị Tuyết M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M8 đến M14) do cùng một người ký và viết ra.

4. Chữ ký viết tên H dưới mục “Người nhận hàng” trên “Phiếu giao hàng” đề các ngày 15/8, 26/8, 28/8, 31/8, 06/9, 12/9, 13/9, 14/9, 17/9 năm 2019 (được ký hiệu từ A13 đến A21) so với chữ ký viết tên “H” dưới mục “Người nhận hàng” trên một “Phiếu giao hàng” đề ngày 22/8/2019 (ký hiệu M15) do cùng một người viết ra.

5. Chữ ký viết tên “N”, chữ ký và chữ viết họ tên “N”, “T. N”, “Lê Thị Thuý N” dưới mục “Người nhận hàng” trên mười sáu Phiếu giao hàng đề các ngày 27/7, 01/8, 05/8, 05/8, 06/8, 16/9, 20/9, 01/8, 17/8, 20/8, 23/8, 24/8, 28/8, và 04/9 năm 2019 (được ký hiệu A22 đến A37) so với chữ ký, chữ viết tên “Lê Thị Thuý N” dưới mục “Người nhận hàng” trên một “Phiếu giao hàng” đề ngày 15/8/2019 (được ký hiệu M16) do cùng một người ký và viết ra.

6. Chữ ký dưới mục “Người nhận hàng” trên ba “Phiếu giao hàng” đề các ngày 09/7, 13/7, 22/7 năm 2019 (ký hiệu A8, A9, A38) so với chữ ký trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M6, M7 và từ M17 đến M19) là vượt khả năng giám định của địa phương.”

Từ nội dung Kết luận giám định trên có cơ sở xác định bị đơn đã nhận đủ số lượng hàng hoá tại các phiếu giao hàng do nguyên đơn cung cấp. Việc bị đơn nhận hàng nhưng chưa thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn là ảnh hưởng quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ là phù hợp. Do có 03 phiếu giao hàng không giám định được, tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu thanh toán đối với số tiền tại các phiếu giao hàng trên, chỉ yêu cầu thanh toán số tiền 1.389.106.800 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền hàng chưa thanh toán là 1.389.106.800 đồng.

[2.3] Về tiền lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán số nợ gốc nêu trên. Xét thấy, Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa số WZ/HĐMB-201907005 ngày 15/7/2019 các bên không thỏa thuận lãi suất chậm thanh toán, theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 230.605.127 đồng, thấp hơn mức lãi suất bình quân lãi suất của ba ngân hàng là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần thương tín Sài Gòn, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi là 230.605.127 đồng.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ. Nguyên đơn đã nộp số tiền 5.100.000 đồng để trưng cầu giám định. Do đó, bị đơn có nghĩa vụ nộp lại số tiền 5.100.000 đồng để trả lại cho nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 7.000.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu và đã nộp đủ

[6] Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50; Điều 55; Điều 306; Điều 319 của Luật thương mại;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-NĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH U đối với bị đơn Công ty TNHH K về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

Buộc Công ty TNHH K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH U số tiền là 1.619.711.927 đồng (Một tỷ sáu trăm mười chín triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm hai mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc là 1.389.106.800 đồng, lãi suất chậm thanh toán là 230.605.127 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí trưng cầu giám định: Công ty TNHH K có nghĩa vụ nộp số tiền 5.100.000 đồng để trả lại cho Công ty TNHH U.

- Về chi phí thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 6.700.000 đồng. Công ty TNHH U phải chịu và đã nộp đủ

3. Về án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH K phải chịu 60.591.358 đồng (Sáu mươi triệu năm trăm chín mươi một nghìn ba trăm năm mươi tám đồng) tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH U số tiền 34.616.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0051924 ngày 10/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- THADS thành phố Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Loan

